Một số tư liệu Hán Nôm có liên quan tới vấn đề Công giáo ở nước ta

MAI HỒNG(*)

Công giáo du nhập vào nước ta tuy là muộn hơn các tôn giáo khác như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo (ta quen gọi là Tam giáo) chừng 15 - 17 thế kỉ. Nhưng Công giáo cũng đã chiếm được một vị thế đáng kể trong đời sống tâm linh của người dân nước Việt, chỉ đứng sau Tam giáo nhìn nhận từ hai phương diện: một là cơ sở tín ngưỡng, tức nói tới hệ thống các cơ sở thờ tự, hai là các điều kiện in ấn kinh kệ và các tư liệu thành văn nghiên cứu về lịch sử tôn giáo mình.

Theo nhiều nguồn tư liệu, cùng với sự nhận định của nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội cho rằng Công giáo du nhập và truyền bá vào nước ta từ đầu thế kỉ XVII nhưng cho tới mãi cuối thế kỉ XIX tôn giáo này mới có cơ hội ổn định. Tiến sĩ Nguyễn Hồng Dương cũng có kiến giải như thế qua bài viết *Nhà thờ Công giáo Việt Nam - một số loại hình kiến trúc tiêu biểu*. Theo tác giả, cho đến cuối thế kỉ XIX (1874) từ sau Hoà ước Giáp Tuất thì Công giáo Việt Nam mới có điều kiện xây dựng nhà thờ kiên cố, còn về trước đó nhà thờ Công giáo Việt Nam thường nhỏ bé, giống như nhà dân, vật liệu đa số các nhà thờ đều làm bằng gỗ hoặc tranh tre, nứa, lá. Nhà thờ được kết cấu thế nào để mỗi khi có lệnh cấm đạo của nhà nước phong kiến, tín đồ có thể dễ dàng dỡ ra cất dấu, sau đó lại có thể dựng lên(1). Nhận định như vậy là khá xác thực với tình hình Công giáo ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XVII cho tới trước năm 1874. Tình hình thực tế của cuộc vận động truyền bá của Công giáo suốt hai thế kỉ đó được phản ảnh trong một số tư liệu Hán Nôm mà ngày nay chúng ta còn biết được như sau:

(1). *Hội đồng tứ giáo*, (2). *Thiên Chúa giáo chân đạo dẫn giải toàn thư*; (3). *Thiên Chúa giáo tứ tự kinh văn;* (4). *Lộ Đức Thánh Mẫu*; (5). *Thiên Nam quốc ngữ lục kí*; (6). *Thuật tích việc nước Nam*; (7). *Tháng cầu cho các linh hồn nơi lửa giải tội*; (8). *Tháng ông Thánh Khu Tra*; (9). *Thiên Chúa giáo khảo*; (10). *Tây Dương Gia Tô bí lục*, v,v...

1. ***Hội đồng tứ giáo*** (·| ¦P ¥| ±Đ). Do Chủ giáo Nhược Sắt Chiêu (-Y ·æ ¬L) cho in, chữ Nôm. Sách dày 72

---

*. TS, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

1. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Nhà thờ Công giáo ở Việt Nam-một số loại hình kiến trúc tiêu biểu*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1-2003, tr. 39.

trang, khổ 25 x 14 cm, mỗi trang có 9 hàng chữ, trung bình mỗi hàng 30 chữ. Về tình trạng văn bản, sách còn tốt nguyên vẹn chữ viết theo thể chân phương dễ đọc. Kí hiệu AB.305.

Nội dung: Trước tình hình có nhiều dư luận tranh cãi nhau về vấn đề Công giáo du nhập vào nước ta, thì một thân vương của chúa Trịnh, nhà Quan Sáu vào thời vua Lê Cảnh Hưng (1740-1786) đứng ra mời đại diện của 4 tôn giáo: Nho sĩ (đạo Nho), Hoà thượng (đạo Phật), Pháp sư (Đạo giáo) và Giáo sĩ (Công giáo) hội nghị để các vị đại diện ấy ai cũng đều phải phát biểu quan điểm của tôn giáo mình về 4 vấn đề: nguồn gốc con người; cuộc sống của con người hiện tại; linh hồn con người sau khi chết; về thiên đường và địa ngục. Mục đích của Hội đồng này là nhằm xác nhận vị thế thứ bậc của Thiên Chúa trong thế giới tâm linh của người dân nước Việt.

2. ***Thiên Chúa giáo chân đạo dẫn giải toàn thư*** (¤Ñ ¥D ±Đ ¯u ¹D ¤Þ ¸Ñ ¥þ ®Ñ) được biên soạn tại nhà thờ Trà Lũ, trấn Sơn Nam Hạ vào năm Cảnh Hưng 38 (1777) Trần Nguyên Phu dịch ra Hán văn, Hối Trai Đặng Cư sĩ (ÂN ¾H ©~ ¤h) hiệu duyệt. Sách chữ Hán viết tay, dày 406 trang, khổ 28 x 14 cm, mỗi trang có 9 hàng chữ, mỗi hàng trung bình 3 chữ. 9 dòng x 30 chữ. Kí hiệu A/1-2.

Nội dung: Gồm 9 bài nói về vai trò, tác dụng của Công giáo đối với con người khi sống, sau khi chết đều do Chúa Trời định đoạt. Chúa Trời là đấng tối cao của muôn loài, thiên đường và địa ngục. Dựa vào Kinh thánh để nhận định về thuyết Ngũ thường (nhân, nghĩa, đức, trí, tín) của nhà Nho hay của Đạo giáo đều là những tà thuyết và vô lối rất có hại cho con chiên.

Sách này khẳng định rằng chỉ có Chúa Trời là thiêng liêng tối cao, định đoạt hết thảy cuộc sống con người: khi sống và lúc đã chết. Ai lên Thiên đường kẻ nào xuống Địa ngục đều do Chúa Trời ban phạt cả.

3. ***Thiên Chúa giáo tứ tự kinh văn*** (¤Ñ ¥D ±Đ ¥| ¦r ¸g ¤å). Sách viết tay chữ Hán, dày 56 trang, khổ 29 x 16 cm. Kí hiệu VHv.1883.

Nội dung: Đây là một sưu tập gồm 3 phần 3 nội dung mà *Thiên Chúa giáo Tứ tự kinh văn* được dùng làm tiêu đề cho cả 3 phần 3 nội dung. *Thiên Chúa giáo tứ tự kinh văn* chỉ gồm 24 trang đầu (từ tờ 1a - 12b) gồm 748 câu thơ diễn tả nội dung kinh của Công giáo theo thể vần 4 chữ nói về nguồn gốc, giáo lí và tính chất màu nhiệm của tôn giáo. Khuyên người đời hãy tin tưởng theo Thiên Chúa sẽ được hưởng phúc lành. Mấy lời cảnh ngôn (Chính học cảnh ngôn): Tạo vật chi ân, bất khả vong; giáng sinh chi ân, bất khả vong; Học nan chi ân, bất khả vong; Xá tội chi ân, bất khả vong. Tử tật chi lai hiền bất đắc; thẩm phán chi nghiêm phú bất đắc; Thiên địa chi khổ thụ bất đắc; Thiên đường chi phúc thụ bất đắc (Ơn tạo vật không được quên; Ơn giáng sinh không được quên; Ơn xá

tội không được quên; Ơn học khó không được quên. Rồi thì cái chết của bệnh tật tới, tốt cũng được hưởng; tòa án nghiêm phạt, phúc không được hưởng; bể khổ trong trời đất chịu không nổi, cõi phúc ở Thiên đường không được hưởng).

Còn thơ 4 chữ (tứ tự kinh văn) thì cho rằng Chúa cũng sắc sắc không không như chân lí của Phật. Toàn năng Thiên Chúa, vạn hữu chân nguyên; Vô thủy vô chung, thường sinh thường tử; Vạn vật chi thủy, vô hình vô thanh; Vạn vạn vinh phúc, vạn vạn mĩ thiện; Duy nhất thánh tôn, vô dĩ gia thượng; Vị hữu thiên địa, tiên hữu Thiên Chúa; Nhất Thiên Chúa phụ, nhị Thiên Chúa tử; Tam viết Thánh thần, tam vị nhất tông; Sinh thần sinh vật, sinh ngã sơ nhân; Vị nhân loại tổ, vạn phẩm tòng sinh; Chân đại phụ mẫu, Tạo hóa thần công.

Đây là quan điểm của Công giáo: Khi chưa có trời đất, đã có Thiên Chúa. Thế là Thiên Chúa cha là thứ nhất, Thiên Chúa con là thứ nhì, Thánh thần là thứ ba. Thứ tự khác nhau như vậy, nhưng cả ba vị ấy Thiên Chúa cha, Thiên Chúa con và Thánh thần đều có chung một nguồn gốc. Cuối cùng khuyên người đời chỉ nên tôn thờ Thiên Chúa là đủ cả, là tối thượng rồi.

Phần thứ hai của sách này - chép nguyên văn bài kí bia viết năm Thuận Trị thứ 7 (1650) đời Thanh Thế Tổ Trung Quốc nhan đề: *Đô môn kiến bi kí* (Bài kí bia chép về việc kiến tạo nhà thờ ở Đô Môn). Giới thiệu quá trình Công giáo du nhập vào Trung Quốc: Từ đời Hán người ta đã thấy có tông đồ (giáo sĩ) vào Trung Quốc. Đến thời Gia Tĩnh (1522-1558) Minh Thế Tông là thời điểm lịch sử có nhiều giáo sĩ phương Tây vào Trung Quốc để truyền đạo.

Phần thứ ba của sách ghi chép những điều hay, những câu châm ngôn từ trong kinh sử, tử tập khuyên người đời ăn ở lương thiện sẽ gặp điềm lành. Xem ra không có liên can gì tới Công giáo, nhưng ta hiểu đó cũng là mục đích của người biên soạn sách.

4. ***Lộ Đức Thánh Mẫu*** (¸ô ¼w ¸t ¥À) do Giám mục Phê Lỗ Mã Di Á Lương (§å ÂP º¿ ²¾ ¨È ¨}) biên thuật in lần thứ 5 (1911). Sách dày 182 trang, in chữ Nôm, khổ 21 x 14 cm, mỗi trang có 9 hàng chữ viết theo chiều dọc từ trên xuống, mỗi hàng trung bình 24 chữ. Kí hiệu VNb.33.

Nội dung: gồm 55 điều giới thiệu về sự tích, những phép mầu kì lạ cứu giúp nhân gian của Đức Bà ở Lộ Đức một tỉnh nhỏ thuộc miền tây nam nước Pháp kề liền với nước Y Pha Nho quê hương của Đức Chúa Giêsu; về phương pháp bảo vệ hang đá nơi thờ Đức Bà để cho dân chúng tới đọc kinh. Về tình hình gây cản trở, cấm đoán tín ngưỡng của nhân dân địa phương và sự phá phách hang đá của các thế lực cầm quyền địa phương. Điều 20 ghi lại sự kiện viên quan Tổng đốc sức cho phá hang đá, thu lượm các đồ tế khí của bổn đạo dâng cho Đức Bà nơi hang đá. Điều 55 nói

về tấm lòng từ thiện của Đức Bà trợ giúp người thợ mộc ốm đau suốt 30 năm liền.

Lộ Đức Thánh Mẫu là một tập sách khuyến thiện bằng những lời văn nhẹ nhàng hướng vào cõi tâm khiến cho người đời kính phục Đức Bà và ngưỡng vọng Đức Bà.

5. ***Thiên Nam quốc ngữ lục kỉ*** (¤Ñ «n °ê »y ¿ý °O). Bản chữ Nôm viết tay gồm 2 chương. Sách dày 122 trang, khổ 31 x 22 cm, mỗi trang có 9 hàng, trung bình mỗi hàng 19 chữ. Kí hiệu AB.315.

Gồm 2 nội dung:

(1) Bản diễn Nôm thể lục bát nói về lịch sử Việt Nam từ thời Đinh Tiên Hoàng đến thời Lý Thần Tông.

(2) Tập thơ văn tạp lục của danh sĩ Phạm Chi Hương, câu đối của Kì đồng Nguyễn Văn Cẩm, sự tích nhà sư Minh Không, v.v... cuối sách có một số bài ca chê trách một số người hay a dua cuồng tín, cha không khóc lại khóc đống mối, chưa hiểu biết cương thường xưa nay là gì, ấy thế mà hăm hở theo Công giáo. "Dân ngu chẳng biết Thánh hiền, nhưng tin gốc liễu về miền Tây Dương".

Ý giả là chỉ có một đạo Nho là chính truyền thôi. Nên phải ngưỡng vọng về những nhân vật siêu việt đầy huyền thoại như Hi Hoàng Nghiêu, Thuấn, Vũ Thang, Văn Võ, Chu Công. Văn Tuyên vương....

Nói công Nho giả biết bao

Muôn thu vẳng vặc in vào sử xanh.

6. ***Thuật tích việc nước Nam*** (-z ¸ñ §Đ Ùü «n). Linh mục Đặng Đức Tuấn biên soạn. Sách chữ Nôm chép tay, 56 trang, khổ 31 x 22 cm, mỗi trang có 7 hàng chữ, mỗi hàng 23 chữ. Kí hiệu AB. 196.

Nội dung: ghi tình hình Công giáo ở nước ta thuộc thời Gia Long (1802-1847), Minh Mệnh (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848-1883); việc Gia Long cho Hoàng tử Cảnh theo Công giáo và theo Bá Đa Lộc (Pineau de Béheine) sang Pháp làm con tin, xin cầu viện quân sự; sự kiện cấm đạo Công giáo dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức; việc Linh mục Đặng Đức Tuấn[2] bị bắt giam, sau được thả và được tự do giảng đạo, viết bằng thể thơ Nôm song thất lục bát. Trong đó có những câu ca ngợi Bá Đa Lộc:

... Giảng truyền đạo Chúa Thiên thai
Vén mây vượt vũ dựng cây tìm đường
Đội ơn Chúa Cả muôn vàn...

Ý cuối cùng của tác giả nói rằng từ khi Công giáo du nhập vào nước ta tới nay đã gần 200 năm. Chặng đường đầy gian nan, đến nay cũng tạm ổn qua câu thơ sau:

Đạo Thánh chúa giảng truyền Nam thổ;
Lê Hoàng triều Vĩnh Tộ[3] cửu niên
Thái bàn ngôi báu đặt yên...

2. Đặng Đức Tuấn - người ở Quý Hoà, tỉnh Bình Định.
3. Vĩnh Tộ niên hiệu của vua Lê Thần Tông (1619-1628); Cửu niên tức năm 1627.

7. ***Tháng cầu cho các linh hồn nơi lửa giải tội*** (¨D ¦¶ ¦U ÆF »î Ëô ¸Ñ ¸o). Giám mục Phê Lỗ Mã Di Á Đông (§å ÂP °¿ ²¾ ¨È ªF) biên soạn, nhà in Ninh Phúc đường in năm 1896. Một bản in chữ Nôm, sách dày 328 trang, khổ 21 x 38 cm, mỗi trang 8 dòng chữ, trung bình mỗi dòng 20 chữ. Kí hiệu AB.434.

Nội dung gồm 30 bài luận bằng chữ Nôm của Công giáo bàn về nơi phát tích của ngọn lửa giải tội, các hình phạt nơi lửa giải tội, cấm không được nhìn vào mắt chúa bị giam cầm, bị thiêu đốt. Phải cầu Chúa để cứu vớt vong linh của tổ tiên mau thoát khỏi nơi lửa thiêu, sớm lên thiên đàng.

8. ***Tháng ông Thánh Khu Tra*** (¯Î ¸t) . Giám mục Phê Lỗ Mã Di Á Đông (§å ÂP °¿ ²¾ ¨È ªF) biên soạn. In tại nhà in Ninh Phúc đường năm 1905. Một bản in chữ Nôm, sách dày 176 trang, khổ 20 x 13 cm, mỗi trang có 7 hàng chữ, mỗi hàng có 21 chữ. Kí hiệu AB.433

Nội dung: Kinh thánh của Công giáo viết bằng chữ Nôm để dạy cho con chiên làm việc trong tháng năm Thánh Khu Tra (Giuse):

Ngày 1 nói về dòng dõi Thánh Khu Tra (Giuse).

Ngày 4 nói về việc thánh Khu Tra (Giuse) làm bạn với Đức Bà Maria và làm cha nuôi của Chúa Giêsu.

Ngày 22 nói về đức tính cần mẫn của Thánh Khu Tra (Giuse).

9. ***Thiên Chúa giáo khảo*** (¤Ñ ¥D ±Đ ¦Ò) ở cùng sách mang tên *Tùng thư điện học giải nghĩa. Thiên Chúa giáo khảo* từ tờ 9a đến tờ 19b, 22 trang, khổ 28 x 16 cm, mỗi trang 7 hàng chữ, mỗi hàng trung bình 23 chữ.

Nội dung: Công giáo vào Việt Nam dân chúng phần đông rất nghi hoặc, triều đình lo lắng mới ra lệnh dựng hai ngọn cờ 1 đỏ 1 trắng giữa các trục đường giao thông giao nhau, ra lệnh ai theo lệnh đứng dưới ngọn cờ đỏ, thì tha cho đi, nếu có kẻ trái ý, thì cho đứng dưới ngọn cờ trắng sau sẽ bị chém sạch. Cấm không cho người Tây vào chợ. Cửa chợ dựng một cây hình chữ thập, cho võ sĩ cầm dao chực sẵn; người đi chợ nếu ai bước qua thì thôi, nếu không thì võ sĩ gia đao chém chết. Đó là sự phản ánh tình hình cấm đạo một cách khốc liệt của triều đình phong kiến Việt Nam.

10. ***Tây Dương Gia Tô bí lục*** (¦è ¬v -C Ä¬ ¯¦ ¿ý) do Phạm Ngộ Hiên (-S ®© °a) và Nguyễn Hoà Đường (¨¿ ©M °ó) biên soạn, chép lại năm 1962. Một bản chép tay, sách dày 225 trang, khổ 28 x 20 cm, mỗi trang 9 hàng, mỗi hàng 23 chữ. Kí hiệu VHv.2137.

Nội dung: Chép về những điều bí ẩn của đạo Công giáo, về nguồn gốc và sự truyền bá của đạo này.

Ngoài ra còn có một số sách nữa như: *Bá Đa Lộc sắc văn tịnh tạp văn thi sao; Bi Nhu Quận công hành trạng di lục; Bi Nhu Quận công phương tích lục* nói về hành trạng công tích của Linh mục Bá Đa Lộc và những thù đáp của vua quan triều

Nguyễn Gia Long cho Bá Đa Lộc; Trích từ các sách: *Quốc triều cố sự; Đại Nam thực lục; Chư thần liệt truyện;* Sắc tặng Bá Đa Lộc của Gia Long năm 1802; Văn bia trên mộ Bá Đa Lộc; Bài tâu của Nguyễn Hữu Độ xin vua Đồng Khánh cho Cố đạo Trần Lục làm Tham tri bộ Lễ, sung vào chức Khâm sai bộ Sứ v.v....

Đôi điều kết luận:

Những tư liệu trên đây, tuy là không phong phú lắm, nhưng cũng có thể giúp ích cho các nhà nghiên cứu khoa học xã hội; các nhà nghiên cứu tôn giáo có một số cơ sở tư liệu để nghiên cứu về quá trình du nhập, truyền bá và phát triển của Công giáo ở Việt Nam trong suốt bốn thế kỉ (XVII-XX).

Công giáo du nhập vào nước ta trong khi Tam giáo đã có cơ sở bền chắc, đã ăn sâu vào tâm khảm của người dân xứ sở hàng chục thế kỉ trước đó. Lại thêm phong tục thờ thần thành hoàng, những người có công với nước với dân, những anh hùng trận mạc và những anh hùng văn hóa. Rồi tục phụng thờ tổ tiên xem trọng đạo lí uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa của người Việt Nam một dân tộc trọng nghĩa tình và luôn hướng thiện. Trong khi đó Công giáo khi mới du nhập luôn chủ trương buộc con chiên chỉ được tôn thờ Chúa là bậc chí tôn: "Vị hữu Thiên địa, tiên hữu Thiên chúa". Điều ấy là nghịch chiều với những thuần phong mĩ tục của người Việt Nam. Các giáo sĩ Công giáo lúc bấy giờ lại là những người đi cùng bước chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Cho nên, Công giáo bị nhà nước phong kiến Việt Nam và nhân dân Việt Nam phản kháng quyết liệt trong giai đoạn đầu. Về sau những người truyền giáo của Công giáo đã tìm ra một phương thức tiếp cận mềm dẻo hơn nên được dân ta chấp nhận. Điều đó được giải thích vì sao nhiều nhà thờ Công giáo xây dựng theo kiểu chùa Phật, trong nhà thờ treo câu đối chữ Hán. Kiểu xây dựng như vậy khiến người ta dễ tiếp nhận hơn kiểu kiến trúc Tây phương cao sừng sững giữa các làng quê, giữa khung cảnh đình, chùa, nhà cửa thấp bé.

Tóm lại, Công giáo cũng như Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đều là những tôn giáo ngoại lai, nhưng dù sao cũng phải thừa nhận rằng các tôn giáo ấy đã mang tới xứ sở này một sắc thái văn hóa mới về kiến trúc chùa chiền của Phật giáo, nhà thờ của Công giáo. Nho giáo truyền bá chữ Hán trong khi nước ta chưa có chữ viết. Nhờ có chữ Hán mà Hàn Thuyên làm ra chữ Nôm. Do yêu cầu truyền đạo mà các giáo sĩ phương Tây truyền bá chữ quốc ngữ. Đó là công lao to lớn của các tôn giáo mà chúng ta không thể không tính đến./.